TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 18/10/2017
V/v "ly hôn, t/c nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Khuyên
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Văn Hòa
2. Bà Lữ Kim Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.
- Đại diện Viện kiểm sát huyện C tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 18/10/2017,tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 227/2017/LTST- HNGĐ ngày 24/7/2017 về việc "ly hôn, t/c nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:62/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2017/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: anh Đào Văn L - sinh năm: 1962

Địa chỉ: tổ 1, ấp Láng Me 1, xã X, huyện C, Đồng Nai.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Kim L - sinh năm: 1975

Địa chỉ: tổ 1, ấp Láng Me 1, xã X, huyện C, Đồng Nai.

(anh L có mặt, chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2017, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn anh Đào Văn L trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu,thương yêu nhau trong thời gian khoảng 02 năm đến năm 1995 anh và chị Nguyễn Thị Kim L tiến tới hôn nhân với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, đây là hôn nhân lần đầu tiên của anh chị. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm, không hòa hợp với nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không có hạnh phúc đến ngày 20 tháng11 năm 2011 chị L bỏ đi biệt tích từ đó đến nay không quay về, anh đã làm đơn yêu cầu và được Tòa án nhân dân huyện C chấp nhận tuyên bố chị Nguyễn Thị Kim L mất tích. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim L.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Đào Trọng Đ - sinh ngày:16/11/1996 (đã chết ngày 20/6/2011 theo giấy chứng tử ngày 19/7/2011)

và cháu Đào Trọng Nh – sinh ngày 05/8/2001 hiện đang sống với anh L. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Nh, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ.

* Các tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn anh Đào Văn L cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh (bản sao chứng thực); giấy chứng nhận kết hôn (bảnsao), giấy khai sinh của cháu Nh (bản sao); Giấy chứng tử của cháu đ (bản sao); Quyết định giải quyết việc dân sự số: 10/2017/QĐST - DS ngày 19/6/2017 "v/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích"; Đơn xác nhận (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được là biên bản xác minh về nơi cư trú của chị L (bản chính).

***** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm,Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng.

Về nội dung: về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho anh L được ly hôn với chị L, giao cháu Nh cho anh Lâm trực tiếp nuôi dưỡng, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: anh Đào Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim L, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ kiện:*"Ly hôn, t/c nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị L nên anh L là nguyên đơn, chị L là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị Kim L hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 1, ấp Láng Me 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện C theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Kim L bị Toà án huyện C tuyên bố mất tích nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị Kim L đến Tòa án nhân dân huyện C để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: năm 1995 anh Đào Văn L và chị Nguyễn Thị Kim L có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 66/1995, ký ngày 30 tháng 12 năm 1995 của UBND xã X theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh L thì thấy:

Chị Nguyễn Thị Kim L bị Tòa án huyện C tuyên bố mất tích tại Quyết định giải quyết việc dân sự số: 10/2017/QĐST- DS ngày 19/6/2017 nên căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh L được ly hôn với chị L.

[6] Về con chung: anh chị có 02 con chung tuy nhiên cháu Đ đã chết ngày 20/6/2011 theo giấy chứng tử ngày 19/7/2011 do tai nạn giao thông, vì vậy HĐXX chỉ xem xét giải quyết con chung là cháu Đào Trọng Nh, khi ly hôn anh L xin nuôi dưỡng cháu Nhân vì hiện tại chị L mất tích không có tin tức gì và từ khi sinh ra cho đến nay cháu Nh sống cùng với anh, hiện tại anh đang làm rẫy tại địa phương có thu nhập ổn định để đảm bảo cuộc sống của anh và cháu Nh. Đồng thời cháu Nh cũng có nguyện vọng sống với anh L. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu Nh thì thấy nên giao cháu Nhân cho anh Lâm trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014. Nên chấp nhận cho anh L được nuôi dưỡng cháu Nh.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh L không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị L.

[8] Về tài sản chung: anh L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung thì không có, do chị L vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

* Đề nghị của đại diện VKS huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận xem xét.

Về án phí: anh Đào Văn L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí LHST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật TTDS.

Căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho anh Đào Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim L.

- Về con chung: giao cháu Đào Trọng Nh - sinh ngày: 05/8/2001 cho anh Đào Văn L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị L.

Khi cần thiết anh L, chị L được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: anh Đào Văn L phải nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 004153 ngày 24/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã X.

Nơi nhận :
- *TAND. tỉnh Đồng Nai.*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai.*
- *VKSND H. C.*
- *Thi hành án dân sự H. C.*
- *Những người tham gia tố tụng.*
- *UBND xã X;*
- *Lưu án văn .*
- *Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thị Khuyên